TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/DS-ST
Ngày 27 - 4 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Công Đoàn.

Ông Nguyễn Văn Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp C, xã Thanh T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bà Võ Bé N, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp C, xã Thanh T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp cho bà Võ Bé N: Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp C, xã Thanh T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/4/2023), (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Huỳnh Minh C. Địa chỉ: Ấp C, xã Thanh T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Đoàn Thị U. Địa chỉ: Ấp C, xã Thanh T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K và bà Võ Bé N trình bày:

Trước đây do có mối quan hệ quen biết với nhau nên ngày 25/10/2019, ông C, bà U có đến nhà hỏi vay ông bà số tiền 65.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24k, lãi suất theo thỏa thuận là 2.460.000đồng/tháng, ông bà đồng ý cho ông C, bà U vay và có làm hợp đồng vay vốn. Sau khi nhận tiền thì ông C, bà U có đóng lãi được 04 tháng. Đến ngày 25/02/2020 ông C, bà U tiếp tục đến vay thêm 20.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận là 600.000 đồng/tháng, ông bà đồng ý cho ông C, bà U vay và ghi nội dung này vào bản hợp đồng vay vốn lập ngày 25/10/2019.

Sau khi vay lần 2 thì ông C, bà U không trả lãi như thỏa thuận, đến ngày 06/3/2022 âm lịch thì hai bên thỏa thuận như sau:

Ông C, bà U sẽ trả cho ông bà 07 chỉ vàng 24k vào ngày 06/3/2022 âm lịch, còn nợ tiền gốc là 85.000.000 đồng và 30.600.000 đồng tiền lãi, đến ngày 07/4/2022 ông C, bà U trả 20.000.000 đồng tiền vốn và đến ngày 07/8/2022 âm lịch ông C, bà U trả 65.000.000 đồng tiền vốn còn lại. Nếu ông C, bà U thực hiện đúng theo thỏa thuận trên thì ông bà sẽ không tính số tiền lãi 30.600.000 đồng, nếu thực hiện không đúng thì ông bà sẽ tính lãi, sự việc này được lập thành văn bản là giấy thỏa thuận nợ lập ngày 06/3/2022 âm lịch. Đến ngày 07/4/2022 âm lịch thì ông C, bà U có trả được 20.000.000 đồng còn 65.000.000 đồng đến nay không trả.

Nay ông K, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đoàn Thị U, ông Huỳnh Minh C trả số tiền vay là 65.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 06/3/2022 (âm lịch) đến ngày 06/02/2023 (âm lịch) là 11 tháng, bằng số tiền 11.916.000 đồng (mức lãi suất 20%/năm) và bà U, ông C phải chịu thêm phần lãi suất tính từ ngày 07/02/2023 (âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với ông Huỳnh Minh C và bà Đoàn Thị U, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông, bà nhưng ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Ông K yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 65.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Huỳnh Minh C và bà Đoàn Thị U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng và và không yêu cầu trả tiền lãi, do đó được xác định là nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu trả tiền nợ là 65.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với hợp đồng vay vốn ngày 25/10/2019 và giấy thỏa thuận nợ ngày 06/3/2022 (âm lịch) thể hiện bị đơn có vay nguyên đơn tổng số tiền 85.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24k. Theo nguyên đơn xác định khi làm giấy thỏa thuận nợ ngày 06/3/2022 (âm lịch) thì bị đơn có trả 07 chỉ vàng 24k, đến ngày 07/4/2022 bị đơn trả 20.000.000 đồng, số tiền còn lại 65.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C, bà U nhưng ông C, bà U không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật, được chấp nhận.

[5] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 65.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu là: 3.250.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu nên được nhận lại toàn bộ số tiền đã dự nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc K và bà Võ Bé N.

Buộc ông Huỳnh Minh C và bà Đoàn Thị U liên đới trả cho ông Nguyễn Quốc K và bà Võ Bé N số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Quốc K và bà Võ Bé N không phải chịu, hoàn trả lại cho ông K, bà N 1.923.000 đồng (một triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013756 ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Ông Huỳnh Minh C và bà Đoàn Thị U phải chịu 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Hồ Dũng Liêm